

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 06/2024/DSST
Ngày: 03/01/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thu Hồng**.

Ông **Nguyễn Đức Hiền**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2023/QĐST-DS ngày 19/12/2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp Bình Hòa Long, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Bị đơn: **Lê Mộng S**, sinh năm 1975;

Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: ấp Bình Hòa Long, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Bà N có mặt; anh S, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Ngoan trình bày:

Bà và vợ chồng anh Lê Mộng S, chị Nguyễn Thị Ngọc H là hàng xóm, láng giềng nên bà có cho vợ chồng anh S vay tiền, cụ thể: Ngày 01/01/2022, bà cho vợ chồng anh S, chị H vay số tiền 90.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, khi nào cần vốn thì báo cho anh chị biết để trả tiền vốn lại, chị H tự

viết biên nhận và vợ chồng anh S, chị H cùng ký tên xác nhận. Biên nhận ghi tháng 12/2022 là ghi sai nên bà yêu cầu anh S viết lại biên nhận nên anh S đã tự viết lại biên nhận ngày 01/01/2022. Do đó, hai biên nhận với cùng một số tiền là 90.000.000đồng nhưng thời gian cho vay khác nhau.

Kể từ khi vay đến nay, anh S, chị H không trả khoản tiền vốn, lãi nào hết. Bà đã nhiều lần yêu cầu anh S, chị H chỉ trả nợ nhưng anh chị không thực hiện cho đến nay.

Nay, bà yêu cầu vợ chồng anh S, chị H cùng có nghĩa vụ trả số tiền vốn là 90.000.000đồng và trả lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày Tòa án xét xử, tạm tính đến ngày 30/8/2023 là 29.880.000đồng. Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn anh Lê Mộng S, chị Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N và anh Lê Mộng S, chị Nguyễn Thị Ngọc H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị H, anh S vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh chị.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chị H, anh S trả số tiền vốn 90.000.000đồng và tiền lãi khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện của bà N là có cơ sở bởi lẽ giữa bà N, anh S, chị H có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ 02 tờ giấy mượn tiền ngày 01/01/2022 do anh S viết và anh S, chị H ký tên xác nhận và hứa trả lãi hàng tháng với lãi suất 3% cho đến khi trả hết tiền vốn nhưng anh S, chị H không thực hiện trả vốn, lãi như thỏa thuận làm thiệt thòi quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

Xét yêu cầu tính lãi, bà N yêu cầu anh S, chị H trả tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử (03/01/2024) là 24 tháng với số tiền là 35.856.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tòa án nhiều lần mời chị H, anh S đến trình bày ý kiến, hòa giải đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn nhưng anh chị vắng mặt không có lý do xem như

từ bỏ quyền chứng minh của mình cũng như anh chị không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, cần buộc chị H, anh S có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vốn, lãi là 125.856.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H, anh S chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc anh Lê Mộng S và chị Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vốn 90.000.000đồng và tiền lãi là 35.856.000đồng, tổng cộng vốn, lãi là 125.856.000đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N cho đến khi thi hành án xong, chị H, anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Mộng S phải chịu số tiền 6.292.800đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N được miễn nộp tạm ứng án phí nên không được hoàn lại.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng, chị H, anh S kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Nông sãi;
- Lầu hoà sô.

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình